TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 507/2019/HS-ST Ngày 31-10-2019	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh;

2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Duy Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 470/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 502/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2019 đối với:

- Các bị cáo:

1. Đỗ Thành T, sinh năm: 1996 tại ĐN; cư trú tại: Tổ C, Khu phố 3, phường BL, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Thành Q và bà Nguyễn Thị Thu H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 724/2012/HSST ngày 14/11/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 06 tháng tù về các tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm e, khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999; Tại bản án số 68/2014/HSST ngày 22/01/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt

06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999; Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù tại hai bản án trên; Tại Quyết định số 27/QĐ-XPVPHC ngày 17/6/2015 bị Công an phường Q, thành phố H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20 tháng 8 năm 2019 đến nay tại Nhà tạm giữ – Công an thành phố Biên Hòa; có mặt tại phiên tòa.

2. Cao Bá Tr, sinh ngày 02/3/2001 tại Đồng Nai; cư trú tại: Ấp Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Bá T và bà Bay Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 516/2016/HSST ngày 22/01/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 01 năm 04 tháng tù về các tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 133 của Bộ luật hình sự năm 1999; Tại Quyết định số 297/QĐ-XLVPHC ngày 10/01/2019 bị Công an xã A, thành phố H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19 tháng 6 năm 2019 đến nay tại Nhà tạm giữ – Công an thành phố Biên Hòa; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Trần Thị T, sinh năm: 1954; cư trú tại: Đường Đ, Quận I, thành phố Minh; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh Võ Thành P, sinh năm: 1981; cư trú tại: Khu phố H, phường BH, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

2/ Anh Nguyễn Tự Thanh T, sinh năm: 1980; cư trú tại: Khu phố H, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Đỗ Thành T và Cao Bá Tr có quan hệ quen biết với nhau. Để có tiền tiêu sài, ngày 12/11/2018, T rủ Tr đi trộm cắp tài sản thì được Tr đồng ý. Thực hiện ý định trên, vào khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô hiệu Max (không rõ biển số) chở Tr đi đến khu vực quán V thuộc Tổ S, Khu phố M, phường LB, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, do bà Trần Thị T làm chủ. Tại đây, Tr

đứng bên ngoài cảnh giới còn T trèo qua tường, đột nhập vào khuôn viên quán V lấy một cây mai Chiếu Thủy rồi chuyển ra ngoài cùng với Tr chở đi đến Khu phố 3, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai bán cho anh Võ Thành P được số tiền 400.000 đồng, T chia cho Tr số Tiền 170.000 đồng, còn lại số tiền 230.000 đồng T giữ lại và Tiêu xài hết.

Vào khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 15/11/2018, bằng thủ đoạn tương tự nêu trên, T và Tr tiếp tục lấy trộm được một cây si (Si Bông) trị giá 2.000.000 đồng của quán V. Sau đó, trở đi đến Khu phố H, phường Q, thành H, tỉnh Đồng Nai bán cho anh Nguyễn Tự Thanh T được số tiền 500.000 đồng. T chia cho Tr số tiền 250.000 đồng, còn lại số tiền 250.000 đồng T giữ lại và tiêu xài hết.

Sau khi được Công an phường BL mời lên làm việc. T và Tr bỏ đi khỏi nơi cư trú. Sau đó, Tr và T đã bị bắt, khởi tố điều tra, xử lý.

Vật chứng của vụ án:

- 01 cây Mai Chiếu thủy (loại lá lớn ghép lá nhỏ, cao khoảng 50cm, tán rộng khoảng 60cm, tuổi thọ khoảng 10 năm) và 01 cây si (loại Si bông, cao khoảng 65cm, tán rộng khoảng 80cm, tuổi thọ khoảng 10 năm), thu giữ lại từ anh Võ Thanh P và anh Nguyễn Tự Thanh T, là tài sản của bà Trần Thị T, bị các bị cáo chiếm đoạt nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà T;

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Max (không rõ biển số) của bị cáo T đã sử dụng vào việc phạm tội. Sau khi phạm tội, T đã bán cho một người không rõ họ tên và địa chỉ nên Cơ quan điều tra không thu hồi được;

- 01 USB hiệu Apacer 7,42GB lưu dữ liệu có liên quan đến vụ án được trích xuất từ hệ thống camera tại khu vực quán V, lưu kèm theo vụ án.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 474/TCKH-HĐĐG ngày 28/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: “01 cây Mai Chiếu thủy loại lá lớn ghép lá nhỏ, cao khoảng 50cm, tán rộng khoảng 60cm, tuổi thọ khoảng 10 năm) và 01 cây si (loại Si bông, cao khoảng 65cm, tán rộng khoảng 80cm, tuổi thọ khoảng 10 năm”. Tổng trị giá 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Về dân sự: Người bị hại bà Trần Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Võ Thành P và anh Nguyễn Tự Thanh T không có yêu cầu các bị cáo bồi thường.

2. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 484/CT-VKSBH ngày 30/9/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố:

- Đỗ Thành T, Cao Bá T, về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo Khoản 1 Điều 173, Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

+ Áp dụng Khoản 1, Điều 173 và Điểm h, i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Đỗ Thành T từ 10 (mười) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù.

+ Áp dụng Khoản 1, Điều 173; Điểm h, i, s Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Cao Bá T từ 06 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) tháng tù.

+ Buộc các bị cáo Đỗ Thành T và Cao Bá T phải nộp lại tổng số tiền 900.000đ (chín trăm nghìn đồng) là tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ Nhà nước.

- *Lời nói sau cùng*: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả, nhận thức được hành vi sai trái của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người T hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tống đạt hợp lệ và đầy đủ. Các bị cáo, người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng.

Bị hại là bà Trần Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Võ Thành P và anh Nguyễn Tự Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, lời khai của họ đã đầy đủ và có trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt trên không ảnh hưởng đến việc xét xử; nên Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố và tội danh:

Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản lấy lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, và các tài liệu, chứng cứ khác

có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào các ngày 12/11/2019 và ngày 15/11/2019, Đỗ Thành T rủ Cao Bá T đến khu vực quán V thuộc Tổ S, Khu phố M, phường L, thành phố H, tỉnh ĐN, do bà Trần Thị T làm chủ. Tại đây, Tr đứng bên ngoài cảnh giới còn T trèo qua tường, đột nhập vào khuôn viên quán V thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, chiếm đoạt của bị hại gồm: 01 cây Mai chiếu thủy, loại lá lớn ghép lá nhỏ, cao khoảng 50cm, tán rộng khoảng 60cm, tuổi thọ khoảng 10 năm và 01 cây si loại Si bông, cao khoảng 65cm, tán rộng khoảng 80cm, tuổi thọ khoảng 10 năm. Tổng trị giá 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng).

- *Về tội danh:* Từ căn cứ trên, xác định các bị cáo Đỗ Thành T và Cao Bá T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản Cáo trạng số 484/CT-VKSBH ngày 30/9/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố các bị cáo về tội " Trộm cắp tài sản" theo điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong đời sống của người dân tại các khu dân cư. Các bị cáo đều là những người có sức khỏe, tuổi đời còn trẻ; có khả năng lao động nhưng lại lười lao động; để có tiền tiêu xài mà không phải bỏ sức; các bị cáo bất chấp quy định của pháp luật đã rủ rê nhau lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Trước đó, các bị cáo đã từng bị xét xử về hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội.

- Về tính chất đồng phạm: Trong vụ án này các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự câu kết chặt chẽ, phân công vai trò trước và sau khi phạm tội mà chỉ khi thấy có cơ hội là thực hiện ngay hành vi chiếm đoạt nên xem là đồng phạm giản đơn.

- Về vai trò của từng bị cáo: Bị cáo T có vai trò lớn nhất vừa rủ rê vừa trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Tr tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là giúp sức tích cực. Tuy nhiên, xét thời điểm phạm tội bị cáo Cao Bá T chưa thành niên. Do đó, cần áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về việc xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định tại các Điều 90

và 91; 101 Bộ luật hình sự và hướng dẫn về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm được quy định tại Điều 58 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án thấp hơn bị cáo T.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T rủ rê, xúi giục bị cáo Cao Bá T phạm tội khi Tr chưa đủ 18 tuổi thuộc trường hợp quy định tại điểm o, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, vai trò, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, độ tuổi tại thời điểm phạm tội của từng bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo T và Tr để đảm bảo sự nghiêm minh, khoan hồng của phát luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về vật chứng

- 01 cây Mai chiếu thủy, loại lá lớn ghép lá nhỏ, cao khoảng 50cm, tán rộng khoảng 60cm, tuổi thọ khoảng 10 năm và 01 cây si loại Si bông, cao khoảng 65cm, tán rộng khoảng 80cm, tuổi thọ khoảng 10 năm, thu giữ lại từ anh Võ Thành P và anh Nguyễn Tự Thanh T, là tài sản của bà Trần Thị T, bị các bị cáo chiếm đoạt nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà T là phù hợp với quy định của pháp luật;

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Max (không rõ biển số) của bị cáo T đã sử dụng vào việc phạm tội. Sau khi phạm tội, T đã bán cho một người không rõ họ tên và địa chỉ nên Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không xem xét.

- 01 USB hiệu Apacer 7,42GB lưu dữ liệu có liên quan đến vụ án được trích xuất từ hệ thống camera tại khu vực quán V, lưu kèm theo vụ án.

[5] Biện pháp tư pháp:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa các bị cáo xác nhận đã thu lợi bất chính số tiền 900.000đ từ hành vi phạm tội mà có. Do đó, cần buộc các bị cáo nộp lại số tiền này để sung quỹ Nhà nước.

[6] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự:

Người bị hại bà Trần Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Võ Thành P và anh Nguyễn Tự Thanh T không có yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

[8] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên tại phiên tòa có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận phần phù hợp.

- Đối với phần trình bày của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Thành T và Cao Bá Tr phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Căn cứ Khoản 1, Điều 173; Điều 17, 38; điểm h, s, Khoản 1 Điều 51; điểm o, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Đỗ Thành T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20 tháng 8 năm 2019.

Căn cứ Căn cứ Khoản 1, Điều 173; Điều 17, 38; điểm h, s, Khoản 1 Điều 51; Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Cao Bá T 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19 tháng 6 năm 2019.

2. Về Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Buộc bị cáo Đỗ Thành T phải nộp lại số tiền 480.000đ (bốn trăm tám mươi nghàn đồng) và bị cáo Cao Bá Tr nộp lại số tiền 420.000đ (bốn trăm hai mươi nghàn đồng) là tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ Nhà nước .

2. Về án phí:

Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Đỗ Thành T và Cao Bá Tr mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự ATXH;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an thành phố Biên Hòa;
- Nhà tạm giữ – Công an thành phố Biên Hòa;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Nguyệt